

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Nam

Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. Trụ sở: Số A đường N, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ chi nhánh S: Số A1 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V - Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S (Giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S và Giấy ủy quyền số 591/2021/GUQ-CNSH ngày 31/12/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh S). Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Huỳnh Trần Thanh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: KX đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 20/6/2018, bà Huỳnh Trần Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T, đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 67.621.328 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng kể từ ngày 15/09/2019 lãi suất

2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Ngân hàng S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.081.128 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/4/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T, có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T, vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Trần Thanh T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 68.551.843đ (Sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là: 57.178.894đ; nợ lãi quá hạn là: 11.372.949đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 20/6/2018. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

**\* Bị đơn bà Huỳnh Trần Thanh T** vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án nên không có bản tự khai.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Huỳnh Trần Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Buộc bà Huỳnh Trần Thanh T phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 68.551.843đ (Sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là: 57.178.894đ; nợ lãi quá hạn là: 11.372.949đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 20/6/2018 và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Bà Huỳnh Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Huỳnh Trần Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy:

Bà Huỳnh Trần Thanh T đã khởi tạo kích hoạt thẻ tại Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2018 và bà T đồng ý bị ràng buộc Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức. Theo đó, căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T, đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 67.621.328 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng kể từ ngày 15/09/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Ngân hàng S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng với nội dung không trái các quy định của pháp luật nên công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 20/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng S và bà T là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.081.128 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do bà T, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/4/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Quy chế ban hành theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2017 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 68.551.843đ (Sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là: 57.178.894đ và nợ lãi là: 11.372.949đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng ngày 20/6/2018.

Bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 23/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng S và bà T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Huỳnh Trần Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Buộc bà Huỳnh Trần Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 68.551.843 đồng (Sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng), trong đó:

. Nợ gốc : 57.178.894 đồng

. Lãi quá hạn : 11.372.949 đồng

Bà Huỳnh Trần Thanh T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 23/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Trần Thanh T.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm là 3.427.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng) bà Huỳnh Trần Thanh T phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.500.089 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng) cho Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0002823 ngày 22/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/9/2022; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diệp**